



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY - CAMEX

Trụ sở chính : 70-72 Đề Thám - P2 - TP. Cà Mau

Điện thoại : (0780) 3839220 - 3 822678 - 3822847

Fax : (0780) 3834358 - 3836893

Email: : tncm@tncm.com.vn; website: www.tncm.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Quý III Năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	MÃ SỐ	SỐ DƯ ĐẦU NĂM	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	Tài sản ngắn hạn	100	196,425,545,884	192,693,179,457
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	41,682,517,909	32,568,703,217
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2,000,000,000	9,000,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	43,456,750,793	55,853,105,484
4	Hàng tồn kho	140	99,929,434,018	87,646,469,628
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	9,356,843,164	7,624,901,128
II	Tài sản dài hạn	200	56,907,411,452	60,564,632,412
1	Các khoản phải thu dài hạn	210		
2	Tài sản cố định	220		
	- Tài sản cố định hữu hình	221	28,161,162,839	31,031,147,674
	- Tài sản cố định vô hình	227	25,548,932,185	26,741,809,688
	- Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5,089,913	5,089,913
3	Bất động sản đầu tư	240		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1,709,088,000	1,741,350,000
5	Tài sản dài hạn khác	260	1,483,138,515	1,045,235,137
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	253,332,957,336	253,257,811,869
IV	Nợ phải trả	300	167,330,983,331	151,344,868,721
1	Nợ ngắn hạn	310	167,202,127,443	151,301,387,242
2	Nợ dài hạn	320	128,855,888	43,481,479
V	Vốn chủ sở hữu	400	86,001,974,005	101,912,943,148
1	Vốn chủ sở hữu	410	82,534,451,089	99,953,115,413
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	70,000,000,000	70,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	412		
	- Cổ phiếu quỹ	414		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
	- Các quỹ	417	5,039,284,646	4,443,784,646
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	7,495,166,443	25,509,330,767
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	3,467,522,916	1,959,827,735
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	3,467,522,916	1,959,827,735
	- Nguồn kinh phí	432		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	500	253,332,957,336	253,257,811,869

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM TRƯỚC (31/12/2008)	NĂM NAY (30/09/2009)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2,973,058,805,244	2,099,357,840,949
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	53,126,530	74,771,634
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	2,973,005,678,714	2,099,283,069,315
4	Giá vốn hàng bán	11	2,858,443,975,354	2,021,262,931,241
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	114,561,703,360	78,020,138,074
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	7,430,376,807	2,911,886,076
7	Chi phí tài chính	22	4,027,682,099	1,298,642,993
8	Chi phí bán hàng	23	67,433,061,440	49,466,837,396
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	20,968,873,238	7,879,823,478
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	29,562,463,390	22,286,720,283
11	Thu nhập khác	31	9,666,148,184	11,080,411,629
12	Chi phí khác	32	520,778,101	18,039,441
13	Lợi nhuận khác	40	9,145,370,083	11,062,372,188
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	38,707,833,473	33,349,092,471
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	10,852,180,286	8,221,413,912
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60	27,855,653,187	25,127,678,559
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3,979	3,590

V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

TT	CHỈ TIÊU	ĐVỊ	NĂM TRƯỚC (31/12/2008)	NĂM NAY (30/09/2009)
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng Tài sản	%	22.46	23.91
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng Tài sản	%	77.54	76.08
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	66.05	63.83
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	33.95	36.17
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.26	0.30
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.51	1.57
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	10.99	5.80
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu	%	0.93	1.07
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	%	33.75	16.39

Ngày 15 tháng 10 năm 2009.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÙ CHÍ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH